



三花棉業

2016 三花 TPGA 錦標賽 第二回合編組表
2016 Sun Flower & TPGA Championship

Round 2 Grouping

Linkou International Golf Club

下午場 Afternoon Session



ROUND 2			Name	Chinese name	Country	Score	+/-	ROUND 2			Name	Chinese name	Country	Score	+/-
Group	Time	Tee						Group	Time	Tee					
37	11:00	10	CHEN NEEN-CHEE	陳銘琦	TWN	79	7	25	11:00	1	CHEN YUN MAO	陳榮茂	TWN	84	12
			CHEN KUO JUNG	陳國俊	TWN	82	10				PENG HUNG-CHING	彭弘瑾	TWN	69	-3
38	11:10	10	CHO TSUNG LIN	卓宗霖	TWN	77	5	26	11:10	1	HSU CHIH JIEH	許智傑	TWN	70	-2
			LAI WEI LUN	賴韋倫	TWN	71	-1				DU KUI YI	杜奎毅	TWN	79	7
			SU HAN CHANG	蘇漢璋	TWN	76	4				HUI HUNG CHEN	陳暉泓	TWN	79	7
39	11:20	10	CHEN TZE MING	陳志明	TWN	76	4	27	11:20	1	CHEN MING HSIN	陳銘鑫	TWN	79	7
			FANG YIN JEN	方胤人	TWN	75	3				HAO YUAN LIN	林浩園	TWN	73	1
			CHEN YI CHIAN	陳奕騫	TWN	76	4				LIN HO WEI	林合偉	TWN	78	6
40	11:30	10	HUANG_TAO	黃韜	TWN	72	E	28	11:30	1	Cory Oride		USA	74	2
			CHAO CHUN	趙羣	TWN	74	2				KUO FENG CHUAN	郭峯銓	TWN	75	3
			KUO CHIA PIN	郭家彬	TWN	74	2				FU YING FENG	傅英峰	TWN	76	4
41	11:40	10	Sam Chien		USA	66	-6	29	11:40	1	LU WEI CHIH	呂偉智	TWN	69	-3
			CHEN CHIA HSUAN	陳嘉軒	TWN	79	7				Michael Tran		VIE	73	1
			CHANG YUAN KAI	張淵凱	TWN	75	3				LEE CHIA HAO	李家豪	TWN	70	-2
42	11:50	10	KO DONG JIN		CAN	83	11	30	11:50	1	YOHEI TSUCHIYA	土屋陽平	JPN	76	4
			LIN YUNG LUNG	林永龍	TWN	73	1				CHANG YAO PIN	張耀濱	TWN	73	1
			WANG CHENG CHI	王鈺棋	TWN	70	-2				TSAI CHE HUNG	蔡哲弘(國訓)	TWN	72	E
43	12:00	10	HSU CHIA SHEN	許佳紳	TWN	75	3	31	12:00	1	WANG TZU MING	王子銘	TWN	77	5
			YOUHEI HAGA	芳賀洋平	JPN	74	2				HSIAO HUNG YU	蕭宏宇	TWN	83	11
			CHEN TSUNG WEI	陳宗煒	TWN	77	5				JAMES MOSELY	張巍	USA	79	7
44	12:10	10	KHOR KHENG HWAI		MAS	74	2	32	12:10	1	WANG_SHIH_JUI	王士瑞	TWN	76	4
			LEE WEI LIN	李威霖	TWN	77	5				YU SUNG I	郁淞壹	TWN	78	6
			HSIEH CHU TIEN	謝主典	TWN	76	4				TU CHENG HUANG	杜承晃	TWN	77	5
45	12:20	10	TSENG TZU HSUAN	曾子軒	TWN	69	-3	33	12:20	1	HSU KUO HSIUNG	徐國雄	TWN	79	7
			LOW KHAI JEI		MAS	73	1				HUANG CHI CHUN	黃琦鈞	TWN	78	6
			LIN CHIN SHENG	林晉陞	TWN	83	11				LEE SHIH HUNG	李士鴻	TWN	79	7
46	12:30	10	HUANG KUO LUNG	黃國倫	TWN	79	7	34	12:30	1	HSU CHANG FENG	徐常峰	TWN	80	8
			LIU HSIN WEI	劉心濊	TWN	74	2				LIN KUAN HENG	林冠亨	TWN	85	13
			DAVID SHEN	沈代偉	TWN	71	-1				LIN KENG-WEI	林耕緯	TWN	74	2
47	12:40	10	CHOU WEN HSUAN	周文軒	TWN	74	2	35	12:40	1	CHANG WEI JEN	張維仁	TWN	79	7
			SU CHING AN	蘇清安	TWN	77	5				CHIANG JUNG PIN	姜榮彬	TWN	85	13
			HAO YANG	楊豪	TWN	80	8				LIN TIEN SHUN	林添順	TWN	76	4
48	12:50	10	LIU LI WEI	劉力維 81	TWN	76	4	36	12:50	1	CHAN CHIN TANG	詹錦鎧	TWN	78	6
			SHEN PO SHAO	沈柏劭	TWN	80	8				CHEN KUEI YU	陳奎宇	TWN	79	7
			WEN CHIH HAO	溫志豪	TWN	75	3				SU WEN HSIANG	蘇文祥	TWN	77	5



三花棉業

2016 三花 TPGA 錦標賽 第二回合編組表
2016 Sun Flower & TPGA Championship

Round 2 Grouping

Linkou International Golf Club

上午場 Morning Session



ROUND 2			Name	Chinese name	Country	Score	+/-	ROUND 2			Name	Chinese name	Country	Score	+/-
Group	Time	Tee						Group	Time	Tee					
13	06:30	10	K.P. LIN	林冠伯	TWN	66	-6	1	06:30	1	CHEN CHUNG CHENG	陳宗成	TWN	77	5
			YU TUNG SHENG	余東昇	TWN	76	4				CHOU HUNG NAN	周宏男	TWN	76	4
			LIU LI WEI	劉力維84	TWN	75	3				CHANG CHI WEI	張奇偉	TWN	77	5
14	06:40	10	CHIANG CHEN CHIH	蔣宸麟	TWN	75	3	2	06:40	1	KAO SHANG HUNG	高尚宏	TWN	73	1
			CHEN JUNG HSIN	陳榮興	TWN	78	6				HSIEH CHIN SHENG	謝錦昇	TWN	77	5
			HUANG TUNG LIANG	黃東樑	TWN	77	5				WENG YOUNG TIEN	翁永田	TWN	76	4
15	06:50	10	LIN CHIE HSIANG	林吉祥	TWN	77	5	3	06:50	1	KAO TENG	高藤(國訓)	TWN	74	2
			CHANG HUNG TA	張宏達	TWN	76	4				LEE YI CHENG	李奕澄	TWN	73	1
			LU WEI LAN	呂偉嵐	TWN	77	5								
16	07:00	10	CHANG TSE PENG	張澤鵬	TWN	72	E	4	07:00	1	SUNG MAO CHANG	宋孟璋	TWN	73	1
			YANG FEI HAO	楊斐皓	TWN	74	2				LEE CHO CHUAN	李卓全	TWN	75	3
			HSU MONG NAN	許孟男	TWN	72	E				LIN YING HAO	林英濠	TWN	82	10
17	07:10	10	HSIEH CHI HSIEN	謝繼賢	TWN	76	4	5	07:10	1	LU CHIEN SOON	盧建順	TWN	74	2
			YEH WEI TZE	葉偉志	TWN	71	-1				LIEN LU SEN	連驥森	TWN	75	3
			Sam CYR		USA	72	E				HUNG CHUN KANG	洪駿剛	TWN	73	1
18	07:20	10	CHAN SHIH CHANG	詹世昌	TWN	68	-4	6	07:20	1	LIEN CHI WEI	連啟偉	TWN	75	3
			HSIEH TUNG HUNG	謝東宏	TWN	74	2				YEH CHANG TING	葉彰廷	TWN	70	-2
			HSU HAO SHENG	許豪升	TWN	75	3				WU CHIH YI	吳致誼	TWN	81	9
19	07:30	10	LIN WEN KO	林文科	TWN	68	-4	7	07:30	1	LU WEN DER	呂文德59	TWN	73	1
			Mithun Perera		SRI	70	-2				TAI SHIH CHENG	蔡世朕	TWN	73	1
			LEE CHIEH PO	李玠柏	TWN	70	-2				CHEN HAO SEN	陳浩森	TWN	74	2
20	07:40	10	LIN WEN TANG	林文堂	TWN	72	E	8	07:40	1	LIN WEN HONG	林文鴻	TWN	76	4
			WANG WEI LUN	王偉倫	TWN	67	-5				HUANG HSIANG HAO	黃祥豪	TWN	78	6
			HUNG CHIEN YAO	洪健堯	TWN	72	E				Teemu Putkonen		FIN	74	2
21	07:50	10	WANG_TSUNG_CHIEH	汪聰傑	TWN	74	2	9	07:50	1	LIU YU JUI	劉又睿	TWN	73	1
			YE JIAN FENG	葉劍峰	CHN	77	5				TAI WEI MING	蔡威民	TWN	78	6
			Blake Snyder		USA	73	1				Pasamet Pogamnerd		THA	77	5
22	08:00	10	CHAN YIN SHIN	詹益信	TWN	72	E	10	08:00	1	TSENG HONG SHENG	曾宏勝	TWN	73	1
			Wisut Artjanawat		THA	71	-1				FAN CHIANG HAO CHUAN	范姜皓詮	TWN	74	2
			LIU YEN HUNG	劉嚴鴻	TWN	76	4				Scott Moir		AUS	81	9
23	08:10	10	CHEN MING CHUAN	陳銘傳	TWN	77	5	11	08:10	1	LU JIA YU	呂嘉祐	TWN	79	7
			CHANG CHIEN CHI	張建棋	TWN	77	5				CHAN SHIH CHI	詹世吉	TWN	77	5
			LU WEI LUN	呂瑋倫	TWN	79	7				HSU CHIH KAI	許智凱	TWN	72	E
24	08:20	10	LIU WEI HOU	劉威侯	TWN	76	4	12	08:20	1	SU CHIN JUNG	蘇欽榮	TWN	79	7
			TAI MING FENG	蔡銘峰	TWN	80	8				YANG WEN LAI	楊文來	TWN	74	2
			TAI TSUNG YU	蔡叢宇	TWN	74	2				CHEN CHIH HUNG	陳志宏	TWN	76	4